TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 12/6/2019
V/v "*Yêu cầu ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Chí Vũ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Công Trung

2. Ông Nguyễn Phương Tích

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Vân – Là thư ký Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Dương Thy Trúc Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình đã thụ lý số: 102/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2019 về việc "*yêu cầu ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Kim L, sinh năm 1974 (có mặt).

Địa chỉ: ấp P1, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn T, sinh năm 1966 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp P2, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/3/2019, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, bà Phạm Thị Kim L trình bày:

Bà và ông Trần Văn T cưới nhau năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P (huyện B – tỉnh Bến Tre) ngày 03/6/2010, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T thường xuyên đánh đập bà, do không chịu được sự hành hạ của ông T nên bà và ông T

đã sống ly thân cách nay hơn 02 năm. Trong thời gian sống ly thân, bà và ông T cũng không tới lui để tạo cơ hội hàn gắn. Hiện nay, bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn với ông T, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà và ông T có 01 con chung tên là Trần Quốc K, sinh ngày 22/4/2010 hiện đang sống với bà. Nay ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Khánh và bà tự nguyện không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: Không có.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, xét thấy trong quá trình tố tụng, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng, các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L đối với ông T. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử để cháu Trần Quốc K, sinh ngày 22/4/2010 cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: không có.

Từ các lời trình bày trên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, đề nghị của kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Trần Văn T đã được Tòa án tống đạt triệu tập tham dự phiên tòa xét xử đến lần thứ 2 nhưng ông T đều vắng mặt không có lý do. Do đó, vụ án đưa ra xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại các điều 227, 228 BLTTDS.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị Kim L và ông Trần Văn T là hợp pháp. Sau khi kết hôn, bà L và ông T sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T thường xuyên đánh đập bà L nên bà L và ông T đã sống ly thân hơn 02 năm nay. Trong thời gian sống ly thân, ông bà cũng không có tới lui để tạo cơ hội hàn gắn. Trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, bà L xác định tình cảm vợ chồng không còn với ông T và vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Ông Trần Văn T vẫn biết việc

bà L xin ly hôn với ông nhưng ông vẫn không gửi văn bản thể hiện ý kiến hàn gắn và cũng không đến Tòa án để xin hàn gắn tình cảm. Qua đó, xét thấy mâu thuẫn giữa bà L và ông T là trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của bà L với ông T là có căn cứ phù hợp với quy định tại các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Đối với cháu Trần Quốc K, sinh ngày 22/4/2010 hiện đang sống với bà L; Hội đồng xét xử xét thấy từ khi bà L và ông T sống ly thân thì cháu Khánh vẫn do bà L nuôi dưỡng. Đồng thời, tại biên bản lấy ý kiến ngày 08/4/2019 của Tòa án, cháu K có nguyện vọng sống với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết để cháu K cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định các điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình. Bà L tự nguyện không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: không có.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), bà Phạm Thị Kim L phải nộp theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56; 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị Kim L đối với ông Trần Văn T.

2. Về con chung: Bà Phạm Thị Kim L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Quốc K, sinh ngày 22/4/2010 (phù hợp với biên bản lấy ý kiến cháu K ngày 08/4/2019 của Tòa án). Ghi nhận sự nguyện của bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Văn T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), bà Phạm Thị Kim L phải nộp và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001802 ngày 11/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre. Án phí sơ thẩm, bà L đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho bà Phạm Thị Kim L biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng ông Trần Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã P, huyện B;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Chí Vũ

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ 00 phút, ngày 12 tháng 6 năm 2019
Tại: Phòng nghị Án – Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre.
Với Hội đồng xét xử, gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Vũ
Các hội thẩm: Ông Nguyễn Công Trung
Ông Nguyễn Phương Tích
Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 102/2019/TLST-HNGĐ ngày 11/3/2019 về việc: "*Yêu cầu ly hôn"*giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Kim L, sinh năm 1974 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Phước Thạnh, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn T, sinh năm 1966 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Phước Thới, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT 3/3 VÀ QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56; 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị Kim L đối với ông Trần Văn T.

2. Về con chung: Bà Phạm Thị Kim L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Quốc Khánh, sinh ngày 22/4/2010 (phù hợp với biên bản lấy ý kiến cháu T ngày 08/4/2019 của Tòa án). Ghi nhận sự nguyện của bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Văn T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), bà Phạm Thị Kim L phải nộp và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001802 ngày 11/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre. Án phí sơ thẩm, bà L đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho bà Phạm Thị Kim L biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng ông Trần Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật , để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ 20 phút, ngày 12 tháng 6 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Các hội thẩm nhân dân | Thẩm phán – Chủ tọa Phiên Tòa

Nguyễn Công Trung Nguyễn Phương Tích Nguyễn Chí Vũ